

CHÍNH PHỦ

NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 44/1998/ NĐ-CP ngày 29-6-1998 về chuyển doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần.

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp nhà nước ngày 20 tháng 4 năm 1995;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng áp dụng Nghị định này là các doanh nghiệp ghi tại Điều 1 của Luật Doanh nghiệp nhà nước mà Nhà nước không cần tiếp tục nắm giữ 100% vốn đầu tư, được xác định trong Phụ lục kèm theo Nghị định này.

Điều 2. Chuyển doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần (sau đây gọi tắt là cổ phần hóa) nhằm các mục tiêu sau:

1. Huy động vốn của toàn xã hội, bao gồm cá nhân, các tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội trong nước và ngoài nước để đầu tư đổi mới công nghệ, tạo thêm việc làm, phát triển doanh nghiệp, nâng cao sức cạnh tranh, thay đổi cơ cấu doanh nghiệp nhà nước.

2. Tạo điều kiện để người lao động trong doanh nghiệp có cổ phần và những người đã góp vốn được làm chủ thực sự; thay đổi phương thức

quản lý tạo động lực thúc đẩy doanh nghiệp kinh doanh có hiệu quả, tăng tài sản Nhà nước, nâng cao thu nhập của người lao động, góp phần tăng trưởng kinh tế đất nước.

Điều 3.

1. Các tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, công dân Việt Nam, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người nước ngoài định cư ở Việt Nam đều có quyền mua cổ phần ở các doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa.

2. Việc bán cổ phần cho các tổ chức, cá nhân nước ngoài thực hiện theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 4. Quyền sở hữu và mọi quyền lợi hợp pháp của tổ chức, cá nhân mua cổ phần ở các doanh nghiệp cổ phần hóa được Nhà nước bảo hộ theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Cổ phần được thông báo bán công khai tại doanh nghiệp cổ phần hóa hoặc bán thông qua các ngân hàng thương mại, các công ty tài chính và các sở, trung tâm giao dịch chứng khoán.

Điều 6. Doanh nghiệp tiến hành cổ phần hóa có trách nhiệm sắp xếp, sử dụng hết số lao động hiện có tại doanh nghiệp. Đối với số lao động tự nguyện chấm dứt số hợp đồng lao động thì giải quyết theo chế độ hiện hành.

Điều 7. Cổ phần hóa được tiến hành theo các hình thức sau đây:

1. Giữ nguyên giá trị thuộc vốn nhà nước hiện có tại doanh nghiệp, phát hành cổ phiếu thu hút thêm vốn để phát triển doanh nghiệp;

2. Bán một phần giá trị thuộc vốn nhà nước hiện có tại doanh nghiệp;

3. Tách một bộ phận của doanh nghiệp đủ điều kiện để cổ phần hóa;

4. Bán toàn bộ giá trị hiện có thuộc vốn nhà nước tại doanh nghiệp để chuyển thành công ty cổ phần.

Điều 8. Quyền được mua cổ phần lần đầu khi tiến hành cổ phần hóa.

1. Loại doanh nghiệp mà Nhà nước giữ cổ phần chi phối, cổ phần đặc biệt:

a) Một pháp nhân được mua không quá 10% tổng số cổ phần của doanh nghiệp;

b) Một cá nhân được mua không quá 5% tổng số cổ phần của doanh nghiệp.

2. Loại doanh nghiệp mà Nhà nước không nắm cổ phần chi phối, cổ phần đặc biệt:

a) Một pháp nhân được mua không quá 20% tổng số cổ phần của doanh nghiệp;

b) Một cá nhân được mua không quá 10% tổng số cổ phần của doanh nghiệp.

3. Loại doanh nghiệp mà Nhà nước không tham gia cổ phần:

Không hạn chế số lượng cổ phần mỗi pháp nhân và cá nhân được mua nhưng phải đảm bảo số cổ đông tối thiểu theo đúng quy định của Luật Công ty.

4. Phần vốn doanh nghiệp đã vay của người lao động trước khi cổ phần hóa nếu người lao động chấp thuận thì được chuyển thành cổ phần của công ty.

5. Các đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 13 Pháp lệnh Chống tham nhũng chỉ được mua cổ phần giá ưu đãi không vượt quá mức cổ phần bình quân của các cổ đông trong doanh nghiệp.

Điều 9. Sử dụng tiền bán cổ phần thuộc vốn nhà nước:

Số tiền thu được từ bán cổ phần thuộc vốn nhà nước tại doanh nghiệp sau khi trừ những chi phí cổ phần hóa do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (đối với doanh nghiệp thuộc địa phương), Bộ Tài chính (đối với doanh nghiệp thuộc các bộ, tổng cục), Hội đồng quản trị tổng công ty 91 (đối với các doanh nghiệp thành viên của tổng công ty) sử dụng để:

1. Đào tạo, đào tạo lại để giải quyết việc làm mới cho người lao động.

2. Trợ cấp cho số lao động dôi dư.

3. Bổ sung vốn cho các doanh nghiệp nhà nước cần ưu tiên củng cố và đầu tư cho các doanh nghiệp nhà nước đã cổ phần hóa theo phương án được duyệt.

Điều 10. Bộ Tài chính thống nhất quản lý mẫu in ấn và cung cấp tờ cổ phiếu ở các doanh nghiệp cổ phần hóa; bảo đảm cho các cổ đông nhận được cổ phiếu chậm nhất là 30 ngày kể từ khi kết thúc thời hạn phát hành của doanh nghiệp cổ phần hóa.

Chương II

NGUYÊN TẮC XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP. NHỮNG ƯU ĐÃI ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG TRONG DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA

Điều 11. Nguyên tắc xác định giá trị doanh nghiệp:

1. Giá trị thực tế của doanh nghiệp là giá toàn bộ tài sản hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm cổ phần hóa mà người mua, người bán cổ phần đều chấp nhận được. Giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp là giá trị thực tế của doanh nghiệp sau khi đã trừ các khoản nợ phải trả.

2. Các yếu tố xác định giá trị thực tế của doanh nghiệp:

a) Số liệu trong sổ sách kế toán của doanh nghiệp tại thời điểm cổ phần hóa.

b) Giá trị thực tế của tài sản tại doanh nghiệp xác định trên cơ sở hiện trạng về phẩm chất, tính năng kỹ thuật, nhu cầu sử dụng của người mua tài sản và giá thị trường tại thời điểm cổ phần hóa.

3. Lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp về vị trí địa lý, uy tín mặt hàng (nếu có). Lợi thế này thể hiện ở tỷ suất lợi nhuận thực hiện tính trên

vốn kinh doanh bình quân 3 năm trước khi cổ phần hóa. Giá trị lợi thế nói trên chỉ tính tối đa 30% vào giá trị thực tế của doanh nghiệp.

Điều 12. Khi xác định giá trị thực tế của doanh nghiệp không phải nhất thiết thuê kiểm toán độc lập. Những doanh nghiệp không thực hiện đúng quy định của pháp luật về kế toán, thống kê thì cơ quan quyết định giá trị doanh nghiệp xem xét thuê tổ chức kiểm toán độc lập xác định. Tiền thuê kiểm toán được tính vào chi phí cổ phần hóa.

Điều 13. Doanh nghiệp cổ phần hóa được hưởng những ưu đãi như sau:

1. Doanh nghiệp nhà nước chuyển thành công ty cổ phần là hình thức đầu tư mới, được hưởng ưu đãi theo quy định của Luật Khuyến khích đầu tư trong nước (sửa đổi).

Trường hợp những doanh nghiệp không đủ điều kiện hưởng ưu đãi theo quy định của Luật Khuyến khích đầu tư trong nước thì được giảm 50% thuế lợi tức (thuế thu nhập doanh nghiệp) trong 2 năm liên tiếp kể từ sau khi chuyển sang hoạt động theo Luật Công ty.

2. Được miễn lệ phí trước bạ đối với việc chuyển những tài sản thuộc quyền quản lý và sử dụng của doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa thành sở hữu của công ty cổ phần.

3. Được tiếp tục vay vốn tại ngân hàng thương mại, công ty tài chính, các tổ chức tín dụng khác của Nhà nước theo cơ chế và lãi suất như đã áp dụng đối với doanh nghiệp nhà nước.

4. Được tiếp tục xuất nhập khẩu hàng hóa theo các chế độ quy định hiện hành như đối với doanh nghiệp nhà nước trước khi cổ phần hóa.

5. Trước khi cổ phần hóa được chủ động sử dụng số dư quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi (bằng tiền) chia cho người lao động đang làm việc (không phải nộp thuế thu nhập) để mua cổ phần.

Được duy trì và phát triển quỹ phúc lợi dưới dạng hiện vật, các công trình văn hóa, câu lạc bộ,

bệnh xá, nhà điều dưỡng để đảm bảo phúc lợi cho người lao động trong công ty cổ phần. Những tài sản này thuộc sở hữu của tập thể người lao động do công ty cổ phần quản lý với sự tham gia của tổ chức công đoàn.

6. Các khoản chi phí thực tế, hợp lý và cần thiết cho quá trình chuyển doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần được trừ vào tiền bán cổ phần thuộc vốn nhà nước theo mức quy định của Bộ Tài chính.

Trường hợp cổ phần hóa theo Khoản 1, Điều 7 của Nghị định này thì được sử dụng vốn nhà nước hiện có tại doanh nghiệp để trang trải.

Điều 14. Người lao động trong doanh nghiệp cổ phần hóa được hưởng những ưu đãi sau:

1. Được Nhà nước bán với giá ưu đãi cho người lao động trong doanh nghiệp tùy theo năm công tác của từng người. Một năm làm việc cho Nhà nước được mua tối đa 10 cổ phần (trị giá 1 cổ phần: 100.000 đồng), với mức giảm giá 30% so với các đối tượng khác. Tổng giá trị ưu đãi cho người lao động không quá 20% giá trị vốn nhà nước tại doanh nghiệp. Những doanh nghiệp có vốn tự tích lũy từ 40% giá trị doanh nghiệp trở lên thì tổng giá trị ưu đãi cho người lao động không quá 30% giá trị vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Trường hợp cổ phần hóa theo Khoản 1 Điều 7 của Nghị định này thì giá trị ưu đãi cho người lao động được trừ vào phần vốn nhà nước hiện có tại doanh nghiệp.

Người lao động sở hữu cổ phần nói trên có quyền chuyển nhượng, để thừa kế và các quyền khác của cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức hoạt động của công ty cổ phần.

2. Người lao động nghèo trong doanh nghiệp được mua cổ phần theo giá ưu đãi thì được hoãn trả trong 3 năm đầu để hưởng cổ tức và trả dần tối đa trong 10 năm không phải chịu lãi suất. Số cổ phần mua trả dần dành cho người lao động nghèo không vượt quá 20% tổng số cổ phần Nhà

nước bán theo giá ưu đãi quy định tại Khoản 1 Điều này. Người sở hữu cổ phần trả dần không được chuyển nhượng khi chưa trả hết tiền cho Nhà nước.

3. Sau 12 tháng kể từ khi doanh nghiệp nhà nước chuyển thành công ty cổ phần, nếu do nhu cầu tổ chức lại hoạt động kinh doanh, thay đổi công nghệ dẫn đến người lao động mất việc làm thì chính sách đối với những người lao động này được giải quyết theo những quy định hiện hành của Chính phủ.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Thẩm quyền lựa chọn và quyết định doanh nghiệp cổ phần hóa:

1. Căn cứ điều kiện nêu tại Điều 1 Nghị định này, các bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ, thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ (sau đây gọi chung là bộ trưởng), chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh) lựa chọn và quyết định các doanh nghiệp cổ phần hóa.

2. Hội đồng quản trị của các tổng công ty nhà nước do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập (gọi tắt là tổng công ty 91) lập danh sách doanh nghiệp thành viên cổ phần hóa báo cáo Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trước khi tổ chức thực hiện.

3. Hội đồng quản trị của các tổng công ty nhà nước do Thủ tướng Chính phủ ủy quyền cho bộ trưởng, chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định thành lập (gọi tắt là tổng công ty 90) lựa chọn danh sách doanh nghiệp thành viên cổ phần hóa báo cáo bộ trưởng, chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

Điều 16. Thẩm quyền hướng dẫn và quyết định giá trị doanh nghiệp:

1. Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chung phương pháp xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa.

2. Thẩm quyền quyết định giá trị doanh nghiệp:

a) Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định giá trị doanh nghiệp có mức vốn nhà nước ghi trên sổ kế toán đến thời điểm cổ phần hóa trên 10 tỷ đồng sau khi có sự thỏa thuận của bộ quản lý ngành, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, hội đồng quản trị của tổng công ty 91 có liên quan.

b) Căn cứ hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Tài chính, bộ trưởng các bộ, chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, hội đồng quản trị tổng công ty 91 quyết định giá trị doanh nghiệp có mức vốn nhà nước ghi trên sổ kế toán đến thời điểm cổ phần hóa từ 10 tỷ đồng trở xuống.

Điều 17. Thẩm quyền phê duyệt phương án cổ phần hóa và quyết định chuyển doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần:

1. Đối với những doanh nghiệp có giá trị thuộc phần vốn nhà nước trên 10 tỷ đồng (theo quy định tại Khoản 2 Điều 16 Nghị định này): bộ trưởng các bộ, chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, hội đồng quản trị tổng công ty 91 xây dựng phương án cổ phần hóa trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và quyết định chuyển doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần.

2. Đối với những doanh nghiệp có giá trị thuộc phần vốn nhà nước từ 10 tỷ đồng trở xuống, bộ trưởng các bộ, chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án, quyết định chuyển doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần và chỉ đạo thực hiện cổ phần hóa trên cơ sở Nghị định này và sự hướng dẫn kiểm tra của các bộ có liên quan.

Các văn bản về cổ phần hóa của bộ, tỉnh, hội đồng quản trị tổng công ty 91 phải gửi về Văn phòng Chính phủ, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư để theo dõi.

Điều 18. Quyết định của cơ quan có thẩm quyền chuyển doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần theo quy định tại Điều 17 của Nghị định này thay thế cho giấy phép thành lập công ty cổ phần nói tại Điều 16 của Luật Công ty.

Điều 19. Đăng ký kinh doanh của công ty cổ phần:

1. Doanh nghiệp sau khi cổ phần hóa sẽ hoạt động theo Luật Công ty và đăng ký kinh doanh tại sở kế hoạch và đầu tư tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi doanh nghiệp đóng trụ sở chính.

2. Trong thời hạn 7 ngày kể từ khi nhận đủ hồ sơ đăng ký kinh doanh, sở kế hoạch và đầu tư cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho công ty cổ phần.

3. Hồ sơ đăng ký kinh doanh gồm:

a) Quyết định chuyển doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần của cấp có thẩm quyền quy định tại Điều 17 của Nghị định này.

b) Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty cổ phần đã được đại hội cổ đông thông qua.

c) Biên bản bầu hội đồng quản trị và cử giám đốc điều hành.

d) Giấy đăng ký kinh doanh doanh nghiệp nhà nước trước khi cổ phần hóa (nếu có).

Giấy phép kinh doanh những ngành nghề do các bộ quản lý chuyên ngành cấp nếu còn thời hạn sử dụng thì không phải đổi lại.

Điều 20. Người quản lý phần vốn nhà nước tại công ty cổ phần:

1. Trường hợp chuyển toàn bộ doanh nghiệp độc lập thành công ty cổ phần:

Bộ trưởng các bộ, chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, hội đồng quản trị tổng công ty 91 thỏa thuận với Bộ Tài chính việc cử người trực tiếp quản lý phần vốn nhà nước tại công ty cổ phần.

2. Trường hợp chuyển một bộ phận của doanh nghiệp độc lập (tổng công ty nhà nước, doanh nghiệp độc lập có hội đồng quản trị và không có hội đồng quản trị) thành công ty cổ phần:

Hội đồng quản trị các doanh nghiệp nhà nước có hội đồng quản trị hoặc giám đốc doanh nghiệp

nhà nước độc lập không có hội đồng quản trị cử người trực tiếp quản lý phần vốn nhà nước tại công ty cổ phần được thành lập từ cổ phần hóa một bộ phận của doanh nghiệp mình.

3. Người trực tiếp quản lý phần vốn nhà nước tại công ty cổ phần thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 50 và Điều 54 của Luật Doanh nghiệp nhà nước.

4. Cổ tức từ phần vốn nhà nước tại công ty cổ phần thuộc sở hữu Nhà nước và thu nộp về:

a) Ngân sách nhà nước đối với trường hợp nói tại Khoản 1, Điều này;

b) Doanh nghiệp quản lý phần vốn nhà nước trong công ty cổ phần đối với trường hợp nói tại Khoản 2, Điều này.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 21. Nghị định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký, thay thế Nghị định số 28/CP ngày 7-5-1996 và Nghị định số 25/CP ngày 26-3-1997. Các văn bản khác trước đây về cổ phần hóa trái với Nghị định này đều không còn hiệu lực thi hành.

Điều 22. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Ngân hàng nhà nước Việt Nam, các bộ và cơ quan khác có liên quan hướng dẫn thực hiện Nghị định này.

Điều 23. Các bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ, thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, hội đồng quản trị các tổng công ty 91 chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

T.M. Chính phủ
Thủ tướng

PHAN VĂN KHẢI

PHỤ LỤC

DANH MỤC CÁC LOẠI DOANH NGHIỆP
NHÀ NƯỚC ĐỂ LỰA CHỌN CỔ PHẦN HÓA

(ban hành kèm Nghị định số 44/1998/NĐ-CP
ngày 29-6-1998).

**I. Loại doanh nghiệp nhà nước hiện có,
chưa tiến hành cổ phần hóa:**

- Doanh nghiệp nhà nước hoạt động công ích quy định tại Điều 1 Nghị định số 56/CP ngày 2-10-1996 của Chính phủ.

Trường hợp cổ phần hóa những doanh nghiệp thuộc loại này có mức vốn nhà nước trên 10 tỷ đồng phải được Thủ tướng Chính phủ cho phép. Nếu có mức vốn nhà nước từ 10 tỷ đồng trở xuống do Bộ trưởng, chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định.

- Sản xuất sản phẩm, cung ứng dịch vụ nhà nước độc quyền kinh doanh: vật liệu nổ, hóa chất độc, chất phóng xạ, in bạc và các chứng chỉ có giá, mạng trực thông tin quốc gia và quốc tế.

**II. Loại doanh nghiệp nhà nước hiện có,
nhà nước cần nắm cổ phần chi phối, cổ phần
đặc biệt khi tiến hành cổ phần hóa:**

- Doanh nghiệp nhà nước hoạt động công ích trên 10 tỷ đồng;

- Khai thác quặng quý hiếm;

- Khai thác khoáng sản quy mô lớn;

- Các hoạt động dịch vụ kỹ thuật về khai thác dầu khí;

- Sản xuất phân bón, thuốc trừ sâu, thuốc chữa bệnh và hóa dược;

- Sản xuất kim loại màu và kim loại quý hiếm quy mô lớn;

- Sản xuất điện quy mô lớn, truyền tải và phân phối điện;

- Sửa chữa phương tiện bay;

- Dịch vụ khai thác bưu chính - viễn thông;

- Vận tải đường sắt, hàng không, viễn dương;

- In, xuất bản, sản xuất rượu, bia, thuốc lá có quy mô lớn;

- Ngân hàng đầu tư, ngân hàng cho người nghèo;

- Kinh doanh xăng dầu có quy mô lớn.

III. Các loại doanh nghiệp nhà nước hiện có còn lại đều có thể thực hiện cổ phần hóa và áp dụng các hình thức chuyển đổi sở hữu khác trong đó nhà nước không giữ cổ phần chi phối, cổ phần đặc biệt.

T.M. Chính phủ

Thủ tướng

PHAN VĂN KHẢI

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 109/1998/QĐ-TTg ngày 24-6-1998 về việc thành lập Trường Cao đẳng sư phạm Bắc Ninh.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Nghị định số 15-CP ngày 2-3-1993 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 90-CP ngày 24-11-1993 của Chính phủ quy định cơ cấu khung của hệ thống giáo dục quốc dân, hệ thống văn bằng, chứng chỉ về giáo dục và đào tạo của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Xét đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân